Ký bởi: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 31.07.2017 09:28:01 +07:00

Số 511 + 512 **Ngày 24 tháng 7 năm 2017**

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH NƯỚC - QUỐC HỘI

22-6-2017 - Lệnh số 01/2017/L-CTN về việc công bố Luật. 3

12-6-2017 - Luật số 04/2017/QH14 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. 4

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

CHỦ TỊCH NƯỚC

10-7-2017 - Quyết định số 1335/QĐ-CTN về việc cho thôi quốc tịch Việt Nam. 21

10-7-2017 - Quyết định số 1336/QĐ-CTN về việc cho thôi quốc tịch Việt Nam. 22

10-7-2017 - Quyết định số 1338/QĐ-CTN về việc cho nhập quốc tịch Việt Nam. 23

Trang

10-7-2017 - Quyết định số 1339/QĐ-CTN về việc cho nhập quốc tịch Việt Nam. 24

10-7-2017 - Quyết định số 1340/QĐ-CTN về việc cho nhập quốc tịch Việt Nam. 25

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

06-7-2017 - Văn bản hợp nhất số 11/VBHN-BNNPTNT hợp nhất Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi. 26

Ký bởi: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 31.07.2017 09:28:33 +07:00

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH NƯỚC - QUỐC HỘI

CHỦ TỊCH NƯỚC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2017/L-CTN	*Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2017*

LỆNH
Về việc công bố Luật

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Điều 88 và Điều 91 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều 80 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

NAY CÔNG BỐ

Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

Đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 12 tháng 6 năm 2017./.

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Trần Đại Quang

Ký bởi: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 31.07.2017 09:28:44 +07:00

QUỐC HỘI

Luật số: 04/2017/QH14

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LUẬT
HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về nguyên tắc, nội dung, nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, đáp ứng các tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật này.

2. Cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ* là doanh nghiệp nhỏ và vừa có một hoặc nhiều phụ nữ sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên, trong đó có ít nhất một người quản lý điều hành doanh nghiệp đó.

2. *Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo* là doanh nghiệp nhỏ và vừa được thành lập để thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh.

3. *Chuỗi giá trị* là mạng lưới liên kết tạo ra giá trị gia tăng cho sản phẩm hoặc dịch vụ, bao gồm các giai đoạn tiếp nối nhau từ hình thành ý tưởng, thiết kế, sản xuất, phân phối sản phẩm đến người tiêu dùng.

4. *Chuỗi phân phối sản phẩm* là mạng lưới các trung gian thực hiện phân phối sản phẩm của doanh nghiệp nhỏ và vừa đến người tiêu dùng do các doanh nghiệp, tổ chức đầu tư, kinh doanh thực hiện.

5. *Cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (sau đây gọi là cơ sở kỹ thuật)* là cơ sở cung cấp các thiết bị dùng chung để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thiết kế, thử nghiệm, đo lường, phân tích, giám định, kiểm định sản phẩm, hàng hóa, vật liệu.

6. *Cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa (sau đây gọi là cơ sở ươm tạo)* là cơ sở cung cấp các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật, nguồn lực và dịch vụ cần thiết cho các tổ chức, cá nhân hoàn thiện ý tưởng kinh doanh, phát triển doanh nghiệp trong giai đoạn mới thành lập.

7. *Cụm liên kết ngành* là hình thức liên kết giữa các doanh nghiệp trong cùng ngành và doanh nghiệp, tổ chức có liên quan cùng hợp tác và cạnh tranh.

8. *Khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo (sau đây gọi là khu làm việc chung)* là khu vực cung cấp không gian làm việc tập trung, không gian trưng bày sản phẩm, cung cấp các tiện ích để hỗ trợ, liên kết các doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.

Điều 4. Tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa, có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 200 người và đáp ứng một trong hai tiêu chí sau đây:

a) Tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng;

b) Tổng doanh thu của năm trước liền kề không quá 300 tỷ đồng.

2. Doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa được xác định theo lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; công nghiệp và xây dựng; thương mại và dịch vụ.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 5. Nguyên tắc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phải tôn trọng quy luật thị trường, phù hợp với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch về nội dung, đối tượng, trình tự, thủ tục, nguồn lực, mức hỗ trợ và kết quả thực hiện.

3. Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa có trọng tâm, có thời hạn, phù hợp với mục tiêu hỗ trợ và khả năng cân đối nguồn lực.

4. Việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nguồn lực ngoài Nhà nước do các tổ chức, cá nhân tài trợ được thực hiện theo quy định của tổ chức, cá nhân đó nhưng không được trái quy định của pháp luật.

5. Trường hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa đồng thời đáp ứng điều kiện của các mức hỗ trợ khác nhau trong cùng một nội dung hỗ trợ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan thì doanh nghiệp được lựa chọn mức hỗ trợ có lợi nhất.

Trường hợp nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa cùng đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo quy định của Luật này thì ưu tiên lựa chọn doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động nữ hơn.

6. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được nhận hỗ trợ khi đã thực hiện đầy đủ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Nguồn vốn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Nguồn vốn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm:

a) Nguồn vốn tín dụng có hỗ trợ, bảo lãnh của Nhà nước;

b) Nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước;

c) Nguồn vốn hỗ trợ từ miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất, tiền sử dụng đất và các khoản khác phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

d) Nguồn vốn hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

2. Nguồn vốn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được lập dự toán, thẩm định, phê duyệt, quyết toán theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Các hành vi bị nghiêm cấm trong việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa không đúng nguyên tắc, đối tượng, thẩm quyền, nội dung, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để làm trái quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Phân biệt đối xử, gây chậm trễ, phiền hà, cản trở, sách nhiễu đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ chức, cá nhân hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4. Cố ý báo cáo, cung cấp thông tin giả mạo, không trung thực liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

5. Sử dụng nguồn lực hỗ trợ không đúng mục đích đã cam kết.

Chương II
NỘI DUNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

Mục 1
HỖ TRỢ CHUNG

Điều 8. Hỗ trợ tiếp cận tín dụng

1. Trong từng thời kỳ, Chính phủ quyết định chính sách hỗ trợ tổ chức tín dụng tăng dư nợ cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa; khuyến khích tổ chức tín dụng cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa dựa trên xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp và biện pháp phù hợp khác; khuyến khích thành lập tổ chức tư vấn độc lập để xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được cơ quan, tổ chức, cá nhân hỗ trợ xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh khả thi, tăng cường năng lực quản trị, kỹ năng quản lý, minh bạch hóa tài chính của doanh nghiệp để nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng.

3. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được cấp bảo lãnh tín dụng tại Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Điều 9 của Luật này.

Điều 9. Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập.

2. Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện chức năng cấp bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Việc bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa dựa trên tài sản bảo đảm hoặc phương án sản xuất, kinh doanh khả thi hoặc xếp hạng tín nhiệm của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa phải thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ bảo lãnh đã cam kết; không được từ chối bảo lãnh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đủ điều kiện được bảo lãnh.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 10. Hỗ trợ thuế, kế toán

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được áp dụng có thời hạn mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất thông thường áp dụng cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp siêu nhỏ được áp dụng các thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán đơn giản theo quy định của pháp luật về thuế, kế toán.

Điều 11. Hỗ trợ mặt bằng sản xuất

1. Căn cứ vào điều kiện quỹ đất thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định bố trí quỹ đất để hình thành, phát triển cụm công nghiệp; khu chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung cho doanh nghiệp nhỏ và vừa phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

2. Căn cứ vào điều kiện ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định hỗ trợ giá thuê mặt bằng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp trên địa bàn. Thời gian hỗ trợ tối đa là 05 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê mặt bằng.

3. Việc hỗ trợ giá thuê mặt bằng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện thông qua việc bù giá cho nhà đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp để giảm giá cho thuê mặt bằng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Số tiền bù giá được trừ vào số tiền thuê đất hoặc được hỗ trợ từ ngân sách địa phương.

4. Việc hỗ trợ mặt bằng sản xuất quy định tại Điều này không áp dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp nhỏ và vừa có vốn nhà nước.

Điều 12. Hỗ trợ công nghệ; hỗ trợ cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung

1. Nhà nước có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nghiên cứu, đổi mới công nghệ, tiếp nhận, cải tiến, hoàn thiện, làm chủ công nghệ thông qua các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, tư vấn, tìm kiếm, giải mã, chuyển giao công nghệ; xác lập, khai thác, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp.

2. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập hoặc tham gia thành lập theo hình thức đối tác công tư cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung. Doanh nghiệp và tổ chức đầu tư, kinh doanh khác được thành lập cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung.

3. Cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung được hưởng các hỗ trợ sau đây:

a) Miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

b) Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Điều 13. Hỗ trợ mở rộng thị trường

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập hoặc tham gia thành lập chuỗi phân phối sản phẩm theo hình thức đối tác công tư. Doanh nghiệp và tổ chức đầu tư, kinh doanh khác được thành lập chuỗi phân phối sản phẩm.

2. Doanh nghiệp, tổ chức đầu tư, kinh doanh chuỗi phân phối sản phẩm có ít nhất 80% số doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cung ứng cho chuỗi sản phẩm sản xuất tại Việt Nam được hưởng các hỗ trợ sau đây:

a) Miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

b) Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

3. Doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ được hưởng ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Điều 14. Hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý

1. Các thông tin sau đây được công bố trên Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, trang thông tin điện tử của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp:

a) Thông tin về kế hoạch, chương trình, dự án, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

b) Thông tin chỉ dẫn kinh doanh; thông tin về tín dụng, thị trường, sản phẩm, công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp;

c) Các thông tin khác theo nhu cầu của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, xây dựng mạng lưới tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (sau đây gọi là mạng lưới tư vấn viên). Doanh nghiệp nhỏ và vừa được miễn, giảm chi phí tư vấn khi sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan, tổ chức, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện các hoạt động sau đây để hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa:

a) Xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về pháp luật;

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý để cung cấp thông tin, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tư vấn pháp luật.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 15. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được miễn, giảm chi phí tham gia các khóa đào tạo có sử dụng ngân sách nhà nước về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp, đào tạo nghề cho lao động làm việc trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Nhà nước tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo trực tuyến, chương trình đào tạo trên các phương tiện thông tin đại chúng khác cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ hoạt động đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực sản xuất, chế biến.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Mục 2
HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA CHUYỂN ĐỔI TỪ HỘ KINH DOANH, KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO, THAM GIA CỤM LIÊN KẾT NGÀNH, CHUỖI GIÁ TRỊ

Điều 16. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được hỗ trợ nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Trước khi thành lập doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã đăng ký và hoạt động theo quy định của pháp luật;

b) Hộ kinh doanh có hoạt động sản xuất, kinh doanh liên tục ít nhất là 01 năm tính đến ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

2. Nội dung hỗ trợ bao gồm:

a) Tư vấn, hướng dẫn miễn phí về hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp;

b) Miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp lần đầu; miễn phí thẩm định, phí, lệ phí cấp phép kinh doanh lần đầu đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; miễn lệ phí môn bài trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

c) Tư vấn, hướng dẫn miễn phí về các thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

d) Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp;

đ) Miễn, giảm tiền sử dụng đất có thời hạn theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật. Trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh, chủ hộ kinh doanh phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các khoản nợ chưa thanh toán của hộ kinh doanh, trừ trường hợp có thỏa thuận khác theo quy định của pháp luật.

4. Hộ kinh doanh chấm dứt hoạt động kể từ thời điểm doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

5. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này.

Điều 17. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo được hỗ trợ nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có thời gian hoạt động không quá 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

b) Chưa thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng đối với công ty cổ phần.

2. Nội dung hỗ trợ bao gồm:

a) Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao công nghệ; hỗ trợ sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật; hỗ trợ tham gia cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; hướng dẫn thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm mới, dịch vụ và mô hình kinh doanh mới;

b) Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu về xây dựng, phát triển sản phẩm; thu hút đầu tư; tư vấn về sở hữu trí tuệ; thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng;

c) Hỗ trợ thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại, kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo, thu hút đầu tư từ các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo;

d) Hỗ trợ thực hiện thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ;

đ) Trong từng thời kỳ, Chính phủ quyết định chính sách cấp bù lãi suất đối với khoản vay của doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo. Việc cấp bù lãi suất được thực hiện thông qua các tổ chức tín dụng.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 18. Đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo

1. Nhà đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo bao gồm quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài thực hiện hoạt động kinh doanh thông qua việc góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.

2. Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo được hình thành từ vốn góp của các nhà đầu tư tư nhân để đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo các nguyên tắc sau đây:

a) Đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo không quá 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp sau khi nhận đầu tư;

b) Nhà đầu tư tư nhân góp vốn vào quỹ phải có điều kiện tài chính và chịu trách nhiệm về vốn góp của mình.

3. Nhà đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo tại khoản 1 Điều này được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn đối với thu nhập từ khoản đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

4. Căn cứ vào điều kiện ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định giao cho tổ chức tài chính nhà nước của địa phương thực hiện đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo các nguyên tắc sau đây:

a) Lựa chọn các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo đủ điều kiện để cùng đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo;

b) Khoản vốn đầu tư từ ngân sách địa phương không quá 30% tổng vốn đầu tư mà doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo huy động được từ các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo được lựa chọn;

c) Tiến hành chuyển nhượng vốn đầu tư cho nhà đầu tư tư nhân trong thời hạn 05 năm kể từ thời điểm góp vốn đầu tư. Việc chuyển nhượng vốn đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 19. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong lĩnh vực sản xuất, chế biến được hỗ trợ nếu đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

a) Tạo ra sản phẩm có lợi thế cạnh tranh về chất lượng và giá thành;

b) Có đổi mới sáng tạo về quy trình công nghệ, vật liệu, linh kiện, máy móc, thiết bị.

2. Nội dung hỗ trợ bao gồm:

a) Đào tạo chuyên sâu về công nghệ, kỹ thuật sản xuất; tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng, chiến lược phát triển sản phẩm theo cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị;

b) Cung cấp thông tin về nhu cầu kết nối, sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị;

c) Hỗ trợ phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường sản phẩm của cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị;

d) Hỗ trợ sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị;

đ) Trong từng thời kỳ, Chính phủ quyết định chính sách cấp bù lãi suất đối với khoản vay của doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị. Việc cấp bù lãi suất được thực hiện thông qua các tổ chức tín dụng.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này. Việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị không thuộc lĩnh vực sản xuất, chế biến do Chính phủ quy định sau khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến.

Điều 20. Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, do Thủ tướng Chính phủ thành lập, thực hiện các chức năng sau đây:

a) Cho vay, tài trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị;

b) Tiếp nhận và quản lý nguồn vốn vay, tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác của các tổ chức, cá nhân để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Chương III
TRÁCH NHIỆM TRONG HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

Điều 21. Trách nhiệm của Chính phủ

1. Thống nhất quản lý nhà nước về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Xây dựng dự toán ngân sách để thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong dự toán ngân sách nhà nước trình Quốc hội xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Ban hành theo thẩm quyền chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn lực ngoài Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 22. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Thực hiện vai trò điều phối, xác định mục tiêu, đối tượng, trọng tâm hỗ trợ để xây dựng và triển khai các kế hoạch, chương trình, dự án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên phạm vi toàn quốc; chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ bố trí nguồn vốn chi đầu tư phát triển để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật này.

3. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các Bộ và cơ quan ngang Bộ khác xây dựng hệ thống thông tin phục vụ xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 23. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Hướng dẫn về thủ tục hành chính thuế, chế độ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ; việc thực hiện các chính sách thuế, phí, lệ phí đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ bố trí nguồn vốn để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Công bố thông tin về việc chấp hành pháp luật về thuế, hải quan và việc thực hiện nghĩa vụ tài chính khác của các doanh nghiệp nhỏ và vừa để xây dựng hệ thống thông tin phục vụ xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 24. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

a) Ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

b) Tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

c) Tổ chức việc thống kê và công bố thông tin về doanh nghiệp nhỏ và vừa;

d) Hướng dẫn doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị;

đ) Ưu tiên bố trí nguồn lực để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Bộ Công Thương có trách nhiệm hướng dẫn doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuỗi phân phối sản phẩm.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm hướng dẫn việc thành lập cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung; hỗ trợ nâng cao năng lực công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn các địa phương bố trí quỹ đất để hình thành, phát triển cụm công nghiệp; khu chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

5. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm tổ chức thực hiện chính sách của Chính phủ về hỗ trợ tổ chức tín dụng tăng dư nợ cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 25. Trách nhiệm của chính quyền địa phương cấp tỉnh

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 11, khoản 4 Điều 18 của Luật này;

b) Ban hành chính sách và bố trí nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương; quyết định dự toán ngân sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

c) Giám sát việc tuân theo pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:

a) Xây dựng và tổ chức triển khai hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương; kế hoạch, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh;

b) Kiểm tra, đánh giá công tác hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Tôn vinh doanh nghiệp nhỏ và vừa có thành tích, đổi mới sáng tạo, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Điều 26. Trách nhiệm của các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, huy động các nguồn lực hỗ trợ hội viên là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Tham gia xây dựng, phản biện, triển khai chính sách liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; tham gia đánh giá các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Thực hiện cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật và điều lệ của tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

4. Thúc đẩy liên kết giữa các doanh nghiệp lớn với các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 27. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Thực hiện cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo các điều kiện, cam kết với cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật này; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tuân thủ các thủ tục hành chính.

2. Cung cấp thông tin, tài liệu kịp thời, đầy đủ và chính xác cho cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để chứng minh, xác nhận việc cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm với cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp theo hợp đồng cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4. Tham gia, phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đầu tư thành lập, quản lý và vận hành tổ chức thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo hình thức đối tác công tư hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Trách nhiệm của doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Cung cấp thông tin, tài liệu về doanh nghiệp kịp thời, đầy đủ, chính xác theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, tài liệu đã cung cấp.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật; thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

3. Thực hiện đúng cam kết với cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4. Bố trí nguồn lực đối ứng để tiếp nhận, phối hợp và tổ chức thực hiện có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ.

Điều 29. Công khai thông tin hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Cơ quan hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện công khai nội dung, chương trình, kết quả thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các thông tin khác có liên quan.

2. Việc công khai thông tin hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được thực hiện theo các hình thức sau đây:

a) Niêm yết công khai tại cơ quan hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

b) Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của cơ quan thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Việc công khai thông tin hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phải được thực hiện chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày nội dung, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại khoản 1 Điều này được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 30. Kiểm tra, giám sát việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân tài trợ kiểm tra, giám sát việc thực hiện nội dung, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung kiểm tra, giám sát bao gồm:

a) Việc lựa chọn đối tượng hỗ trợ; việc thực hiện trình tự, thủ tục và nội dung hỗ trợ;

b) Việc chấp hành pháp luật trong quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ, tài trợ;

c) Việc thực hiện công khai thông tin hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại Điều 29 của Luật này.

Điều 31. Đánh giá hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Cơ quan, tổ chức chủ trì thực hiện nội dung, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tổ chức đánh giá kết quả thực hiện, tác động dự kiến đối với đối tượng hỗ trợ và công khai kết quả đánh giá theo các hình thức quy định tại khoản 2 Điều 29 của Luật này.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư định kỳ tổ chức đánh giá độc lập tác động của nội dung, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 32. Xử lý vi phạm pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Luật này thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định xử lý vi phạm đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phải được công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan thực hiện hỗ trợ và Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan

1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 như sau:

a) Bổ sung điểm o vào khoản 1 Điều 16 như sau:

"o) Đầu tư kinh doanh chuỗi phân phối sản phẩm của doanh nghiệp nhỏ và vừa; đầu tư kinh doanh cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa; đầu tư kinh doanh khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.";

b) Sửa đổi khoản 2 Điều 19 như sau:

"2. Chính phủ quy định chi tiết các hình thức hỗ trợ đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này đối với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, doanh nghiệp đầu tư vào giáo dục, phổ biến pháp luật và các đối tượng khác phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.".

2. Sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 14 của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 như sau:

"c) Nhà thầu là doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ.".

Điều 34. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

Điều 35. Quy định chuyển tiếp

1. Kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trước ngày Luật này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo nội dung, chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt; trường hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo quy định của Luật này thì được thực hiện theo quy định của Luật này.

2. Kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, các cam kết do Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện trước ngày Luật này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện, nếu các bên không có thỏa thuận khác.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 12 tháng 6 năm 2017.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Nguyễn Thị Kim Ngân

Ký bởi: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 31.07.2017 09:29:04 +07:00

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

CHỦ TỊCH NƯỚC

CHỦ TỊCH NƯỚC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1335/QĐ-CTN	*Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho thôi quốc tịch Việt Nam

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Điều 88 và Điều 91 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008;

Xét đề nghị của Chính phủ tại Tờ trình số 275/TTr-CP ngày 12/6/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho thôi quốc tịch Việt Nam đối với bà Trần Thị Kim Thành, sinh ngày 17/5/1981 tại Quảng Bình; hiện cư trú tại: Kaltenleutgebner strasse 24/10/12, Wien, Cộng hòa Áo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước và cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Trần Đại Quang

Ký bởi: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 31.07.2017 09:29:22 +07:00

CHỦ TỊCH NƯỚC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1336/QĐ-CTN	*Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho thôi quốc tịch Việt Nam

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Điều 88 và Điều 91 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008;

Xét đề nghị của Chính phủ tại Tờ trình số 278/TTr-CP ngày 12/6/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho thôi quốc tịch Việt Nam đối với ông Trần Thuận, sinh ngày 01/01/1987 tại Khánh Hòa; hiện cư trú tại: Kuskgatan 8, 461 62 Trollhattan, Thụy Điển.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước và cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Trần Đại Quang

Ký bởi: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 31.07.2017 09:29:33 +07:00

CHỦ TỊCH NƯỚC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1338/QĐ-CTN	*Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho nhập quốc tịch Việt Nam

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Điều 88 và Điều 91 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008;

Xét đề nghị của Chính phủ tại Tờ trình số 269/TTr-CP ngày 12/6/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho nhập quốc tịch Việt Nam đối với:

Ông Ho Ching, sinh ngày 12/8/1939 tại Trung Quốc

Có tên gọi Việt Nam là: Hồ Ching

Hiện cư trú tại: số 119, thôn Phát Chi, xã Trạm Hành, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước và cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Trần Đại Quang

Ký bởi: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 31.07.2017 09:29:42 +07:00

CHỦ TỊCH NƯỚC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1339/QĐ-CTN	*Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho nhập quốc tịch Việt Nam

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Điều 88 và Điều 91 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008;

Xét đề nghị của Chính phủ tại Tờ trình số 270/TTr-CP ngày 12/6/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho nhập quốc tịch Việt Nam đối với:

Ông Baltazar Roberto JR Tran, sinh ngày 13/10/1984 tại Phi-líp-pin

Có tên gọi Việt Nam là: Trần Quang Bảo

Hiện cư trú tại: số 74/4, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước và cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Trần Đại Quang

Ký bởi: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 31.07.2017 09:29:53 +07:00

CHỦ TỊCH NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1340/QĐ-CTN

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho nhập quốc tịch Việt Nam

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Điều 88 và Điều 91 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008;

Xét đề nghị của Chính phủ tại Tờ trình số 276/TTr-CP ngày 12/6/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho nhập quốc tịch Việt Nam đối với:

Ông Trinh Hung, sinh ngày 02/10/1946 tại Trung Quốc

Có tên gọi Việt Nam là: Trịnh Hưng

Hiện cư trú tại: 267 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước và cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Trần Đại Quang

Ký bởi: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 31.07.2017 09:30:20 +07:00

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH
QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THÚ Y, GIỐNG VẬT NUÔI, THỨC ĂN CHĂN NUÔI

Nghị định số 119/2013/NĐ-CP ngày 09/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/11/2013, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh thú y ngày 29 tháng 4 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh giống vật nuôi ngày 24 tháng 3 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi,[1]

---

[1] Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Chương 1
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền xử phạt và thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi (bao gồm cả giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản[2]).

2. Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi quy định tại Nghị định này bao gồm:

a)[3] Hành vi vi phạm quy định về phòng bệnh, chữa bệnh, chống dịch bệnh cho động vật; kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kinh doanh động vật thủy sản giống mắc bệnh; kiểm soát giết mổ động vật, sơ chế, chế biến sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y; quản lý thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y; hành nghề thú y;

b) Hành vi vi phạm các quy định về quản lý và bảo tồn nguồn gen vật nuôi, khảo nghiệm giống vật nuôi mới; sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu giống vật nuôi; quản lý chất lượng giống vật nuôi;

Căn cứ Luật thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật bảo vệ và phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004; Căn cứ Luật thú y ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh giống vật nuôi ngày 24 tháng 3 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản."

[2] Cụm từ "sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 43 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[3] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

c) Hành vi vi phạm các quy định về sản xuất, gia công thức ăn chăn nuôi; kinh doanh, sử dụng thức ăn chăn nuôi; xuất khẩu, nhập khẩu thức ăn chăn nuôi; khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi.

3. Các hành vi vi phạm hành chính khác liên quan đến lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi không quy định tại Nghị định này thì áp dụng theo các Nghị định sau:

a) Hành vi vi phạm quy định về hàng hóa cấm kinh doanh; kinh doanh hàng nhập lậu; kinh doanh hàng giả; tem, nhãn, bao bì hàng giả; quá hạn sử dụng, không rõ nguồn gốc xuất xứ áp dụng theo Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

b) Hành vi vi phạm quy định về nhãn hàng hóa; công bố tiêu chuẩn áp dụng; công bố hợp chuẩn; công bố hợp quy áp dụng theo Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm hàng hóa;

c) Hành vi vi phạm quy định về quảng cáo áp dụng theo Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo;

d) Hành vi vi phạm quy định về tái xuất động vật, sản phẩm động vật, bốc dỡ hàng hóa, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật không đúng lộ trình áp dụng theo Nghị định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Hải quan;

đ) Hành vi vi phạm quy định về an toàn thực phẩm áp dụng theo Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn thực phẩm;

e) Hành vi vi phạm quy định về chống người thi hành công vụ áp dụng theo Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng chống tệ nạn xã hội; phòng chống và chữa cháy; phòng chống bạo lực gia đình.

Điều 2. Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính liên quan đến lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi.

Điều 3. Hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, tổ chức, cá nhân phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính là cảnh cáo hoặc phạt tiền.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi.

3. Ngoài các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i Khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc vận chuyển động vật, sản phẩm động vật theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền;

b) Buộc thực hiện việc kiểm dịch hoặc kiểm dịch lại động vật, sản phẩm động vật;

c) Buộc tiêu hủy động vật mắc bệnh, sản phẩm động vật mang mầm bệnh truyền nhiễm nguy hiểm;

d) Buộc chuyển đổi mục đích sử dụng giống vật nuôi; động vật, sản phẩm động vật; thức ăn chăn nuôi không đạt chất lượng theo tiêu chuẩn công bố áp dụng hoặc quy chuẩn kỹ thuật tương ứng;

đ) Buộc thực hiện kiểm tra vệ sinh thú y đối với sản phẩm động vật không đóng dấu, lăn dấu kiểm soát giết mổ, tem vệ sinh thú y;

e) Buộc thực hiện giết mổ bắt buộc đối với động vật trên cạn mắc bệnh truyền nhiễm nguy hiểm; buộc xử lý sơ chế, chế biến đối với động vật thủy sản mắc bệnh;

g) Buộc thực hiện biện pháp xử lý vệ sinh thú y đối với động vật, sản phẩm động vật không bảo đảm vệ sinh thú y;

h) Buộc cơ sở chăn nuôi tiếp tục nuôi dưỡng vật nuôi đã sử dụng chất cấm cho đến khi kiểm tra không còn tồn dư chất cấm trên vật nuôi mới được bán, giết mổ;

i) Buộc khảo nghiệm lại thức ăn chăn nuôi thực hiện không đúng nội dung, trình tự khảo nghiệm;

k) Buộc tái chế thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi không bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn công bố áp dụng hoặc quy chuẩn kỹ thuật tương ứng;

l) Buộc di chuyển cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản đến địa điểm theo quy hoạch của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

m) Buộc thu hồi các loại giấy tờ bị tẩy xóa, sửa chữa nội dung, sử dụng giấy tờ giả.

Điều 4. Quy định về mức phạt tiền, thẩm quyền xử phạt đối với cá nhân, tổ chức

1. Mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực thú y, giống vật nuôi đối với cá nhân vi phạm là 50.000.000 đồng, đối với tổ chức vi phạm là 100.000.000 đồng.

2. Mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi đối với cá nhân vi phạm là 100.000.000 đồng, đối với tổ chức vi phạm là 200.000.000 đồng.

3. Mức phạt tiền quy định tại Chương II, Chương III và Chương IV của Nghị định này là mức phạt tiền đối với cá nhân. Mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

4. Thẩm quyền xử phạt tiền của các chức danh quy định tại Chương V Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân. Trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt tổ chức gấp 02 lần thẩm quyền xử phạt đối với cá nhân.

Chương 2
HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT, BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TRONG LĨNH VỰC THÚ Y

MỤC 1. VI PHẠM VỀ PHÒNG BỆNH, CHỮA BỆNH, CHỐNG DỊCH BỆNH CHO ĐỘNG VẬT

Điều 5. Vi phạm về phòng bệnh, chữa bệnh động vật trên cạn

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với chủ vật nuôi có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a)[4] Không thực hiện việc phòng bệnh bằng vắc xin hoặc các biện pháp phòng bệnh bắt buộc khác cho động vật nuôi;

---

[4] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

b) Không chấp hành việc lấy mẫu bệnh phẩm để kiểm tra, phát hiện bệnh;

c)[5] Không chấp hành biện pháp xử lý bắt buộc đối với động vật mắc bệnh, động vật có dấu hiệu mắc bệnh, sản phẩm của động vật mang mầm bệnh theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

d)[6] Không chấp hành các biện pháp phòng bệnh, chống dịch bệnh động vật trong vùng có dịch, vùng bị dịch uy hiếp theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với chủ vật nuôi có hành vi vi phạm không báo cho nhân viên thú y xã hoặc cơ quan thú y ở địa phương khi nghi ngờ động vật mắc bệnh truyền nhiễm nguy hiểm hoặc khi phát hiện động vật bị mắc bệnh, chết nhiều mà không rõ nguyên nhân.

3.[7] Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với chủ vật nuôi có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sử dụng thuốc thú y không có trong Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam hoặc chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép để phòng bệnh, chữa bệnh cho động vật;

b) Vứt động vật mắc bệnh, chết và sản phẩm của chúng, xả nước thải, chất thải mang mầm bệnh ra môi trường;

c) Không chấp hành việc tiêm phòng vắc xin Dại cho chó nuôi.

---

[5] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[6] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[7] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

4.[8] Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung; mua, bán, thuê, mượn giấy chứng nhận tiêm phòng cho gia súc, gia cầm, giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

5. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với cơ sở chăn nuôi tập trung, trang trại, cơ sở sản xuất, kinh doanh con giống gia súc, giống gia cầm và bò sữa có một trong các hành vi vi phạm sau đây[9]:

a)[10] Không chấp hành việc lấy mẫu xét nghiệm định kỳ các bệnh tại cơ sở sản xuất, kinh doanh con giống gia súc, giống gia cầm và bò sữa;

b) Không thực hiện cách ly động vật trước khi nhập đàn đưa vào nuôi tại cơ sở chăn nuôi động vật tập trung;

c) Nuôi mới động vật trong thời gian có quy định tạm ngừng chăn nuôi của cơ quan có thẩm quyền;

d) Chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung, ấp nở trứng gia cầm hoặc kinh doanh gia súc, gia cầm tại địa điểm không theo quy hoạch hoặc không được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

6.[11] Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với chủ vật nuôi có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

---

[8] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[9] Tên khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[10] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[11] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 8 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

a) Sử dụng nguyên liệu thuốc thú y, nguyên liệu thuốc y tế, thuốc y tế để phòng, chữa bệnh động vật;

b) Không thực hiện việc ngừng sử dụng thuốc đối với động vật trước khi giết mổ, khai thác trứng, sữa để làm thực phẩm theo hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y có thẩm quyền;

c) Kinh doanh con giống mắc bệnh truyền nhiễm.

7. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sử dụng thuốc thú y thuộc Danh mục thuốc thú y cấm sử dụng để phòng, trị bệnh cho động vật.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a)[12] Buộc tiêu hủy động vật mắc bệnh, chết và sản phẩm của chúng; khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;

b)[13] Buộc thu hồi giấy chứng nhận tiêm phòng, giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này;

c) Buộc di chuyển cơ sở chăn nuôi đến địa điểm theo quy hoạch đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm d Khoản 5 Điều này;

d)[14] Buộc tiêu hủy thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y, nguyên liệu thuốc y tế, thuốc y tế, sản phẩm động vật, con giống đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3, khoản 6, khoản 7 Điều này;

---

[12] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 9 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[13] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 10 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[14] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 11 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

đ)[15] Buộc chấp hành việc lấy mẫu, xét nghiệm bệnh động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 5 Điều này;

e)[16] Buộc chấp hành việc tiêm phòng vắc xin Dại cho chó đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 3 Điều này; trường hợp cố tình không chấp hành tiêm phòng vắc xin Dại thì buộc tiêu hủy chó chưa được tiêm phòng Dại.

Điều 6. Vi phạm về chống dịch bệnh động vật trên cạn

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với chủ vật nuôi có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện việc cách ly động vật mắc bệnh, nghi mắc bệnh dịch trong thời gian có dịch;

b) Chăn thả động vật mắc bệnh dịch ở các bãi chăn chung;

c) Không thực hiện các biện pháp vệ sinh, khử trùng tiêu độc chuồng nuôi, môi trường; xử lý xác, chất thải của động vật mắc bệnh dịch tại vùng có dịch;

d) Không chấp hành việc sử dụng vắc xin hoặc các biện pháp phòng, chống dịch bắt buộc khác tại vùng có dịch.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Mang ra khỏi vùng có dịch các loại thức ăn chăn nuôi, dụng cụ chăn nuôi, chất thải của động vật có khả năng làm lây lan dịch bệnh;

b) Vận chuyển động vật mắc bệnh dịch phải giết mổ bắt buộc hoặc tiêu hủy đến nơi giết mổ, tiêu hủy không theo đúng hướng dẫn của cơ quan thú y;

c) Giết mổ, lưu thông, mua bán động vật, sản phẩm của động vật dễ nhiễm bệnh dịch đã công bố trong vùng có dịch không theo hướng dẫn của cơ quan thú y.

---

[15] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[16] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Đưa động vật, sản phẩm động vật dễ nhiễm bệnh dịch đã công bố từ vùng bị dịch uy hiếp ra vùng đệm hoặc vùng an toàn mà không có giấy chứng nhận kiểm dịch;

b) Vận chuyển qua vùng có dịch động vật dễ nhiễm bệnh dịch đã được công bố tại vùng đó mà không được phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dịch;

c) Cố ý dừng phương tiện vận chuyển động vật hoặc thả động vật xuống vùng đã công bố có dịch trong khi chỉ được phép đi qua;

d) Không thực hiện việc khử trùng, tiêu độc đối với phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật, chất thải động vật, thức ăn chăn nuôi, các vật dụng khác liên quan đến động vật sau khi qua vùng có dịch;

đ) Sử dụng phương tiện vận chuyển động vật đi giết mổ bắt buộc không đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y;

e) Giết mổ, xử lý động vật, xác động vật mắc bệnh, nghi mắc bệnh, sản phẩm động vật mang mầm bệnh thuộc Danh mục các bệnh phải công bố dịch không theo hướng dẫn của cơ quan thú y.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Vận chuyển, kinh doanh động vật, sản phẩm của động vật bị nhiễm bệnh dịch trong vùng bị dịch uy hiếp, vùng đệm;

b) Vận chuyển động vật mắc bệnh, sản phẩm động vật mang mầm bệnh thuộc Danh mục các bệnh phải công bố dịch ra khỏi vùng có dịch đã được công bố hoặc ra khỏi vùng đã bị buộc hạn chế lưu thông;

c) Chăn nuôi hoặc xuất bán động vật mắc bệnh truyền nhiễm nguy hiểm khi cơ quan thú y có thẩm quyền đã yêu cầu phải giết mổ bắt buộc hoặc tiêu hủy.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật, thức ăn chăn nuôi, chất thải động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a và Điểm c Khoản 2, Điểm a và Điểm c Khoản 3, Khoản 4 Điều này.

Điều 7. Vi phạm về phòng bệnh, chống dịch bệnh động vật thủy sản

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi vi phạm không thực hiện các biện pháp phòng bệnh bắt buộc cho động vật thủy sản.

2. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với chủ cơ sở nuôi có một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không chấp hành việc lấy mẫu để kiểm tra, xét nghiệm chẩn đoán bệnh, kiểm tra vệ sinh thú y đối với cơ sở nuôi thương phẩm, cơ sở sản xuất, kinh doanh giống thủy sản;

b) Không báo cho cơ quan thú y ở địa phương khi phát hiện động vật thủy sản bị bệnh hoặc chết nhiều mà không rõ nguyên nhân.

3. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với chủ cơ sở nuôi có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a)[17] Sử dụng thuốc thú y không có trong Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam hoặc chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép để phòng, chữa bệnh cho động vật thủy sản;

b) Xử lý môi trường khi có dịch bệnh xảy ra không theo đúng hướng dẫn của cơ quan thú y.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với chủ cơ sở nuôi có hành vi vi phạm sử dụng thuốc thú y trong Danh mục thuốc thú y cấm sử dụng để phòng, chữa bệnh cho động vật thủy sản.

4a.[18] Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với chủ cơ sở nuôi có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

---

[17] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 13 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[18] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

a) Sử dụng nguyên liệu thuốc thú y, nguyên liệu thuốc y tế, thuốc y tế để phòng, chữa bệnh cho động vật thủy sản;

b) Không thực hiện việc ngừng sử dụng thuốc trước khi thu hoạch theo hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc cơ quan quản lý thú y;

c) Kinh doanh động vật thủy sản giống mắc bệnh.

5.[19] Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tiêu hủy thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y, nguyên liệu thuốc y tế, thuốc y tế, sản phẩm động vật thủy sản, động vật thủy sản giống đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3, khoản 4, khoản 4a Điều này.

MỤC 2.
VI PHẠM VỀ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT, KIỂM SOÁT GIẾT MỔ, KIỂM TRA VỆ SINH THÚ Y

Điều 8. Vi phạm về thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm khai báo kiểm dịch không trung thực về:

a) Số lượng, khối lượng, chủng loại động vật, sản phẩm động vật;

b) Nguồn gốc xuất xứ của động vật, sản phẩm động vật, mục đích sử dụng, địa chỉ nơi đến;

c) Kết quả phòng bệnh, kết quả xét nghiệm động vật, sản phẩm động vật.

2. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 700.000 đồng đối với hành vi vi phạm không khai báo kiểm dịch khi vận chuyển trong nước động vật, sản phẩm động vật có trong Danh mục động vật, sản phẩm động vật thuộc diện phải kiểm dịch.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm không khai báo kiểm dịch khi xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam động vật, sản phẩm động vật có trong Danh mục động vật, sản phẩm động vật thuộc diện phải kiểm dịch.

---

[19] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 15 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

Điều 9. Vi phạm về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn lưu thông trong nước

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với chủ động vật, sản phẩm động vật có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện vệ sinh, khử trùng tiêu độc nơi tập trung động vật, sản phẩm động vật, phương tiện vận chuyển trước và sau khi kiểm dịch;

b) Trốn tránh việc kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật tại các trạm kiểm dịch đầu mối giao thông trên tuyến đường đi.

2. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Kinh doanh động vật, sản phẩm động vật sai mục đích ghi trên giấy chứng nhận kiểm dịch;

b) Vận chuyển động vật, sản phẩm động vật không đúng lộ trình bắt buộc khi đi qua vùng có dịch.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Đánh tráo hoặc làm thay đổi số lượng động vật, sản phẩm động vật đã được cấp giấy chứng nhận kiểm dịch bằng động vật, sản phẩm động vật chưa được kiểm dịch;

b) Vận chuyển, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật không đúng chủng loại, số lượng được ghi trong giấy chứng nhận kiểm dịch;

c) Tháo dỡ niêm phong phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật hoặc thay đổi mã số đánh dấu động vật trong quá trình vận chuyển.

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm vận chuyển, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật có trong Danh mục động vật, sản phẩm động vật thuộc diện phải kiểm dịch mà không có giấy chứng nhận kiểm dịch.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc vận chuyển động vật, sản phẩm động vật theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này;

b) Buộc thực hiện việc kiểm dịch hoặc kiểm dịch lại đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 3, Khoản 4 Điều này;

c) Buộc tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều này trong trường hợp kiểm dịch lại phát hiện động vật mắc bệnh, sản phẩm động vật mang mầm bệnh truyền nhiễm thuộc Danh mục các bệnh phải công bố dịch.

Điều 10. Vi phạm về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản lưu thông trong nước

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Vận chuyển giống thủy sản ra khỏi cơ sở sản xuất, kinh doanh giống thủy sản mà không có giấy chứng nhận kiểm dịch;

b) Vận chuyển giống thủy sản vượt quá 10% về số lượng hoặc không đúng kích cỡ ghi trong giấy chứng nhận kiểm dịch.

2. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện kiểm dịch đối với động vật thủy sản thương phẩm, sản phẩm động vật thủy sản trước khi đưa ra khỏi huyện trong trường hợp đang công bố dịch ở huyện đó;

b) Đưa động vật thủy sản mắc bệnh ở vùng có công bố dịch ra khỏi địa phương mà chưa qua xử lý, chế biến theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện kiểm dịch giống thủy sản đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy hoặc xử lý sơ chế, chế biến động vật thủy sản đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 11. Vi phạm về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật mang theo người hoặc gửi qua đường bưu điện không đúng chủng loại, số lượng, khối lượng hoặc sản phẩm động vật ở dạng tươi sống, sơ chế;

b) Không thông báo thời gian qua cửa khẩu khi nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam động vật, sản phẩm động vật;

c) Không khai báo với cơ quan kiểm dịch động vật ở cửa khẩu xuất để giám sát việc tái xuất lô hàng ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam động vật, sản phẩm động vật có hồ sơ kiểm dịch không hợp lệ.

3. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam động vật, sản phẩm động vật không đúng cửa khẩu;

b) Nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam động vật, sản phẩm động vật không đúng chủng loại ghi trong giấy chứng nhận kiểm dịch;

c) Không thông báo cho cơ quan thú y có thẩm quyền để theo dõi cách ly kiểm dịch sau khi động vật, sản phẩm động vật được đưa đến địa điểm cách ly kiểm dịch;

d) Đưa động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu để theo dõi cách ly kiểm dịch không đúng địa điểm đã được chấp thuận hoặc đưa về nơi cách ly không đủ số lượng động vật, sản phẩm động vật theo hồ sơ kiểm dịch;

đ) Không chấp hành thời hạn theo dõi cách ly kiểm dịch đã đưa ra sử dụng, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Để động vật nhập khẩu chưa hết thời gian cách ly kiểm dịch; động vật tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh tiếp xúc với động vật nuôi trên lãnh thổ Việt Nam;

b) Không chấp hành các biện pháp xử lý vệ sinh thú y đối với động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam không bảo đảm vệ sinh thú y;

c) Không chấp hành các biện pháp xử lý vệ sinh thú y đối với xác động vật, chất thải, chất độn, thức ăn thừa của người và động vật, bao bì đóng gói sản phẩm động vật và các chất thải khác trong quá trình vận chuyển;

d) Nhận hoặc gửi mẫu bệnh phẩm không được đóng gói, bảo quản gây nguy cơ phát tán tác nhân gây bệnh, ô nhiễm môi trường.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm vứt bỏ xác động vật, chất thải, thức ăn thừa, rác, vật dụng khác có liên quan đến lô hàng nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam không đúng nơi quy định của cơ quan thú y.

5a.[20] Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm tự ý tháo dỡ niêm phong kiểm dịch phương tiện chứa đựng, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam.

6.[21] Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam động vật mắc bệnh, sản phẩm động vật mang mầm bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, tồn dư các chất độc hại, nhiễm vi sinh vật vượt quá mức giới hạn cho phép, chưa làm sạch lông, da, móng và các tạp chất khác để bảo đảm yêu cầu về cảm quan.

7. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

---

[20] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[21] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 17 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

a) Nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật không có giấy chứng nhận kiểm dịch của cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu;

b) Không chấp hành các biện pháp xử lý vệ sinh thú y theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với động vật, sản phẩm động vật bị nhiễm mầm bệnh thuộc Danh mục các bệnh nguy hiểm của động vật hoặc Danh mục các bệnh phải công bố dịch.

8. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm đưa vào lãnh thổ Việt Nam bệnh phẩm và các tác nhân gây bệnh cho động vật mà không thực hiện việc kiểm dịch hoặc không có văn bản đồng ý của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này;

b) Buộc tái xuất, tiêu hủy hoặc giết mổ bắt buộc đối với động vật mắc bệnh, sản phẩm động vật mang mầm bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, tồn dư các chất độc hại đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 6 Điều này;

c)[22] Buộc xử lý nhiệt chuyển đổi mục đích sử dụng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi đối với sản phẩm động vật bị nhiễm vi sinh vật vượt quá mức giới hạn cho phép; buộc xử lý vệ sinh thú y sản phẩm động vật để bảo đảm yêu cầu về cảm quan đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này;

d) Buộc tái xuất hoặc buộc tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật, xác động vật, chất thải động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm d Khoản 4, Điểm a Khoản 7, Khoản 8 Điều này.

Điều 12. Vi phạm về sử dụng giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm thuê, mượn giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật.

---

[22] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 18 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Cố ý tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung ghi trong giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật;

b) Sử dụng một giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật cho nhiều lô hàng.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sử dụng giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật giả.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thu hồi các loại giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

Điều 13. Vi phạm về vận chuyển, kinh doanh, thu gom, lưu giữ, kiểm soát giết mổ động vật trên cạn, sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật để kinh doanh[23]

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Giết mổ động vật ở những địa điểm không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép;

b) Giết mổ, sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật khi không bảo đảm điều kiện vệ sinh thú y về cơ sở, trang thiết bị, dụng cụ, nước sử dụng, người tham gia;

c) Không đăng ký thực hiện kiểm soát giết mổ với cơ quan thú y.

2. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm giết mổ động vật, sơ chế, chế biến sản phẩm động vật theo mức phạt sau đây:

a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm không thực hiện vệ sinh động vật trước giết mổ; không vệ sinh, khử trùng tiêu độc nơi giết mổ, sơ chế, nơi nhốt giữ động vật; không xử lý chất độn, chất thải trong quá trình vận chuyển và sau mỗi đợt nhập động vật để giết mổ, sơ chế;

---

[23] Tên Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 19 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

b) Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm không thực hiện việc tách riêng động vật mắc bệnh, nghi mắc bệnh, nhiễm bệnh, nghi nhiễm bệnh để giết mổ sau hoặc không chấp hành yêu cầu của cán bộ kiểm soát giết mổ về việc để riêng, đánh dấu đối với sản phẩm không đạt tiêu chuẩn vệ sinh thú y;

c)[24] Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi đưa nước hoặc các loại chất khác vào động vật trước khi giết mổ và vào sản phẩm động vật làm mất vệ sinh thú y;

d) Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm đưa vào cơ sở giết mổ động vật chết, động vật mắc bệnh truyền nhiễm hoặc tẩu tán động vật chết, động vật mắc bệnh truyền nhiễm khi chưa được cơ quan thú y kiểm tra, xử lý;

đ) Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm không thực hiện việc xử lý đối với động vật, sản phẩm động vật không đảm bảo vệ sinh thú y;

e)[25] Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vận chuyển, lưu giữ, giết mổ động vật để làm thực phẩm mà động vật đó bị sử dụng thuốc an thần không theo hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y có thẩm quyền;

g) Phạt tiền từ 9.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm giết mổ động vật, sơ chế, chế biến sản phẩm động vật mắc bệnh, nghi mắc bệnh, nhiễm bệnh, nghi nhiễm bệnh thuộc các bệnh cấm giết mổ, sơ chế;

---

[24] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 20 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[25] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 21 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

h)[26] Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vận chuyển, kinh doanh, thu gom, lưu giữ, giết mổ động vật, sơ chế, chế biến sản phẩm động vật chứa chất cấm sử dụng trong chăn nuôi.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động của cơ sở giết mổ từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm g và Điểm h Khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a)[27] Buộc tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm d, g và điểm h khoản 2 Điều này;

Tạm dừng giết mổ động vật bị sử dụng thuốc an thần cho đến khi có kết quả kiểm tra an toàn thực phẩm; buộc tiêu hủy sản phẩm động vật có dư lượng thuốc an thần vượt quá giới hạn do Bộ Y tế quy định đối với hành vi quy định tại điểm e khoản 2 Điều này

b) Buộc thực hiện xử lý vệ sinh thú y động vật, sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều này;

c)[28] Buộc chuyển đổi mục đích sử dụng sản phẩm động vật làm thức ăn cho động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

Điều 14. Vi phạm vệ sinh thú y trong kinh doanh động vật, sản phẩm động vật

1. Phạt tiền từ 60% đến 70% giá trị sản phẩm động vật vi phạm nhưng không vượt quá 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

---

[26] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 22 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[27] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 23 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[28] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 24 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

a) Kinh doanh thịt gia cầm, sản phẩm từ gia cầm không có dấu kiểm soát giết mổ, bao bì, tem vệ sinh thú y tại các siêu thị, cửa hàng, chợ chuyên doanh;

b) Kinh doanh thịt gia súc, sản phẩm từ gia súc không có dấu kiểm soát giết mổ, tem vệ sinh thú y.

2. Phạt tiền từ 80% đến 90% giá trị sản phẩm động vật vi phạm nhưng không vượt quá 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm kinh doanh sản phẩm động vật không đạt quy chuẩn vệ sinh thú y.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối hành vi vi phạm không thực hiện quy định về điều kiện vệ sinh thú y đối với nơi bảo quản, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật.

4. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Phương tiện bày bán, dụng cụ chứa đựng sản phẩm động vật không đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y;

b) Kinh doanh thịt gia súc, gia cầm bị bơm nước hoặc chất khác.

5. Phạt tiền từ 100% đến 150% giá trị sản phẩm động vật vi phạm nhưng không vượt quá 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm kinh doanh động vật trên cạn bị mắc bệnh, chết vì bệnh hoặc sản phẩm của động vật đó khi chưa được cơ quan thú y có thẩm quyền kiểm tra và xác nhận được phép tiêu thụ.

6. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Kinh doanh động vật mắc bệnh thuộc Danh mục các bệnh phải công bố dịch;

b) Kinh doanh sản phẩm của động vật bị giết mổ bắt buộc ở dạng tươi sống;

c) Kinh doanh sản phẩm của động vật mang mầm bệnh truyền nhiễm nguy hiểm.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện kiểm tra vệ sinh thú y sản phẩm động vật không đóng dấu, lăn dấu kiểm soát giết mổ, tem vệ sinh thú y đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Buộc chuyển đổi mục đích sử dụng làm thức ăn chăn nuôi đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2, Điểm b Khoản 4 Điều này;

c) Buộc tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 5, Khoản 6 Điều này.

Điều 15. Vi phạm về điều kiện vệ sinh thú y

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi vi phạm chăn nuôi động vật khi chuồng trại, dụng cụ nuôi, nơi nuôi không đảm bảo các điều kiện vệ sinh thú y.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm vận chuyển động vật bằng phương tiện không bảo đảm điều kiện vệ sinh thú y về diện tích nơi chứa nhốt, không có nơi chứa nước thải, chất thải trong quá trình vận chuyển; vận chuyển sản phẩm động vật tươi sống bằng xe không chuyên dụng hoặc không đủ điều kiện về bảo quản trong quá trình vận chuyển.

3. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm địa điểm tập trung, bốc xếp, thu gom, mua bán động vật, sản phẩm động vật không bảo đảm điều kiện vệ sinh thú y.

4. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Cơ sở chăn nuôi động vật tập trung; sản xuất, kinh doanh con giống không đủ điều kiện vệ sinh thú y;

b) Cơ sở kiểm nghiệm, thử nghiệm, khảo nghiệm; xét nghiệm, chẩn đoán bệnh động vật; phẫu thuật động vật không đủ điều kiện vệ sinh thú y.

5. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm tại cơ sở chăn nuôi động vật tập trung; ấp trứng gia cầm; giết mổ động vật, sơ chế, chế biến, kinh doanh sản phẩm động vật; sản xuất giống và nuôi thủy sản thương phẩm, tập trung không có giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y.

6. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm có giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất nhưng không bảo đảm điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở sản xuất thuốc thú y.

7. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sản xuất thuốc thú y; sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản[29] không có giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hoặc biên bản kiểm tra đủ điều kiện.

---

[29] Cụm từ "sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 43 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

8. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 5, Khoản 7 Điều này.

MỤC 3.
VI PHẠM VỀ QUẢN LÝ THUỐC THÚ Y; CHẾ PHẨM SINH HỌC, VI SINH VẬT, HÓA CHẤT DÙNG TRONG THÚ Y; SẢN PHẨM XỬ LÝ, CẢI TẠO MÔI TRƯỜNG TRONG CHĂN NUÔI, NUÔI TRỒNG THỦY SẢN; HÀNH NGHỀ THÚ Y

Điều 16. Vi phạm về sản xuất, gia công, san chia thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y (sau đây gọi là thuốc thú y); sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản[30]

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không có hồ sơ lô sản xuất;

b) Không thực hiện về kiểm tra chất lượng nguyên liệu, bán thành phẩm, thành phẩm thuốc thú y; sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản[31] trong quá trình sản xuất;

c) Sản xuất thuốc thú y; sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản[32] không thông báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi thay đổi thành phần, công thức, dạng bào chế, đường dùng so với hồ sơ đăng ký;

---

[30] Cụm từ "sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 43 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[31] Cụm từ "sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 43 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[32] Cụm từ "sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 43 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

d) Cơ sở sản xuất không có cán bộ chuyên môn kiểm tra chất lượng thuốc thú y; sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản[33] hoặc người phụ trách kỹ thuật;

đ) Không lưu mẫu thuốc thú y; sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản[34].

2. Phạt tiền từ 70% đến 80% giá trị lô sản phẩm vi phạm nhưng không vượt quá 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sản xuất mỗi loại thuốc thú y; sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản[35]:

a) Có hàm lượng thuốc ngoài mức giới hạn cho phép so với hàm lượng ghi trên nhãn mà nhà sản xuất đã công bố hoặc đăng ký và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Có khối lượng tịnh, thể tích thực ngoài mức giới hạn cho phép so với khối lượng, thể tích ghi trên nhãn mà nhà sản xuất đã công bố hoặc đăng ký và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Phạt tiền từ 80% đến 90% giá trị lô sản phẩm vi phạm nhưng không vượt quá 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sản xuất mỗi loại thuốc thú y; sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản[36]:

---

[33] Cụm từ "sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 43 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[34] Cụm từ "sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 43 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[35] Cụm từ "sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 43 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[36] Cụm từ "sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 43 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

a) Không đạt tiêu chuẩn chất lượng bị biến đổi về hình thức như vón cục, vẩn đục, biến đổi màu, lắng cặn, phân lớp, biến dạng;

b) Vắc xin thú y không đảm bảo một trong ba tiêu chuẩn vô trùng, an toàn, hiệu lực.

4. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sản xuất mỗi loại thuốc thú y; sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản[37] bằng nguyên liệu không rõ nguồn gốc xuất xứ.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sản xuất mỗi loại thuốc thú y; sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản[38] chưa có tên trong Danh mục được phép lưu hành tại Việt Nam hoặc chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

6. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sản xuất mỗi loại thuốc thú y; sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản[39] có chứa chất cấm trong Danh mục cấm sử dụng tại Việt Nam.

6a)[40] Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng mỗi loại nguyên liệu làm thuốc thú y sai mục đích sản xuất thuốc thú y.

---

[37] Cụm từ "sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 43 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[38] Cụm từ "sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 43 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[39] Cụm từ "sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 43 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[40] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 25 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

7. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sản xuất mỗi loại sản phẩm thuốc thú y; sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản[41] có chứa vi sinh vật cấm sử dụng tại Việt Nam.

8. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề thú y từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 6 và Khoản 7 Điều này.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi, tái chế thuốc thú y, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản[42] đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này;

b)[43] Buộc thu hồi, tiêu hủy thuốc thú y; vắc xin đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 6a và khoản 7 Điều này.

Điều 17. Vi phạm về kinh doanh thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y (sau đây gọi là thuốc thú y); sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản[44]

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm kinh doanh thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y; sản phẩm xử lý, cải tạo môi

---

[41] Cụm từ "sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 43 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[42] Cụm từ "sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 43 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[43] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 26 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[44] Cụm từ "sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 43 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản[45] không đủ điều kiện về địa điểm, kho chứa, trang thiết bị bảo quản.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Kinh doanh thuốc thú y không có giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh;

b) Kinh doanh thuốc thú y; sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản[46] chung với thuốc bảo vệ thực vật, thuốc dùng cho người, lương thực, thực phẩm;

c) Kinh doanh thuốc thú y, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản[47] không thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi thay đổi địa điểm.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm kinh doanh mỗi loại thuốc thú y; sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản[48]:

a) Có hàm lượng thuốc ngoài mức giới hạn cho phép so với hàm lượng ghi trên nhãn mà nhà sản xuất đã công bố hoặc đăng ký và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

---

[45] Cụm từ "sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 43 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[46] Cụm từ "sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 43 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[47] Cụm từ "sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 43 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[48] Cụm từ "sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 43 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

b) Có khối lượng tịnh, thể tích thực ngoài mức giới hạn cho phép so với khối lượng, thể tích ghi trên nhãn mà nhà sản xuất đã công bố hoặc đăng ký và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

c)[49] Bảo quản vắc xin không đúng quy định của nhà sản xuất.

4. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm kinh doanh mỗi loại thuốc thú y; sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản[50]:

a) Không đạt tiêu chuẩn chất lượng bị biến đổi về hình thức như vón cục, vẩn đục, biến đổi màu, lắng cặn, phân lớp, biến dạng;

b) Vắc xin thú y không đảm bảo một trong ba tiêu chuẩn vô trùng, an toàn, hiệu lực.

5. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm kinh doanh mỗi loại thuốc thú y; sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản[51] không có trong Danh mục được phép lưu hành tại Việt Nam hoặc chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

6. Phạt tiền từ 9.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm kinh doanh mỗi loại thuốc thú y; sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản[52] chứa hoạt chất cấm sử dụng trong Danh mục cấm sử dụng tại Việt Nam.

---

[49] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 27 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[50] Cụm từ "sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 43 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[51] Cụm từ "sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 43 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[52] Cụm từ "sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 43 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

6a.[53] Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm kinh doanh mỗi loại nguyên liệu làm thuốc thú y khi chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y.

6b.[54] Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm bán mỗi loại nguyên liệu làm thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc y tế, thuốc y tế cho cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề thú y từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 6 Điều này;

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi, tái chế thuốc thú y, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản[55] đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này;

b)[56] Buộc thu hồi, tiêu hủy thuốc thú y; vắc xin đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều này;

---

[53] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 28 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[54] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 28 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[55] Cụm từ "sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 43 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[56] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 29 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

c)[57] Tiêu hủy nguyên liệu thuốc thú y, nguyên liệu thuốc y tế, thuốc y tế đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6a và 6b Điều này

Điều 18. Vi phạm về nhập khẩu thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y (sau đây gọi là thuốc thú y); sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản[58]

1. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Nhập khẩu thuốc thú y không có giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam; nguyên liệu làm thuốc thú y không được phép của cơ quan có thẩm quyền hoặc nhập khẩu sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản[59] không có trong Danh mục được phép lưu hành tại Việt Nam hoặc không có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Nhập khẩu nguyên liệu làm thuốc thú y không đúng chủng loại đã được cơ quan có thẩm quyền duyệt.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm không chấp hành kiểm tra chất lượng thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y; sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản[60] của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

---

[57] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 30 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[58] Cụm từ "sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 43 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[59] Cụm từ "sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 43 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[60] Cụm từ "sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 43 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

3. Phạt tiền từ 80% đến 90% giá trị lô sản phẩm nhưng không vượt quá 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc thú y; sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản[61] không đạt tiêu chuẩn chất lượng.

3a.[62] Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm bán mỗi loại nguyên liệu làm thuốc thú y nhập khẩu cho cơ sở chưa được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y hoặc cơ sở chưa được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y hoặc cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

3b.[63] Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động nhập khẩu nguyên liệu làm thuốc thú y vi phạm trong thời hạn 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3a Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tái xuất thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y; sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản[64] đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều này nếu phát hiện hành vi vi phạm tại cửa khẩu;

---

[61] Cụm từ "sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 43 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[62] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 31 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[63] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 32 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[64] Cụm từ "sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 43 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

b) Buộc thu hồi, tiêu hủy thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y; sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản[65] đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều này trong trường hợp không tái xuất được.

Điều 19. Vi phạm về giấy phép, giấy chứng nhận, phiếu kiểm nghiệm trong lĩnh vực thú y; sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản[66]

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm thuê, mượn để sản xuất, kinh doanh, khảo nghiệm, kiểm nghiệm một trong các loại giấy sau:

a) Giấy phép thử nghiệm hoặc khảo nghiệm thuốc thú y; sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản[67];

b) Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y; giấy chứng nhận lưu hành sản phẩm xử lý cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản;

c) Giấy phép nhập khẩu thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y; sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản[68] của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Phiếu kiểm nghiệm chất lượng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

---

[65] Cụm từ "sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 43 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[66] Cụm từ "sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 43 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[67] Cụm từ "sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 43 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[68] Cụm từ "sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 43 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

2. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm cố ý tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung ghi tại một trong các loại giấy sau:

a) Giấy phép thử nghiệm hoặc khảo nghiệm thuốc thú y; sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản[69];

b) Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y; giấy chứng nhận lưu hành sản phẩm xử lý cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản;

c) Giấy phép nhập khẩu thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y; sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản[70] của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Phiếu kiểm nghiệm chất lượng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sử dụng các loại giấy giả quy định tại Khoản 1 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thu hồi các loại giấy tờ đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này.

Điều 20. Vi phạm về hành nghề thú y

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm về hành nghề tiêm phòng, chẩn đoán, phẫu thuật động vật, kê đơn, điều trị, chăm sóc sức khỏe động vật, dịch vụ tư vấn về thú y (sau đây gọi chung là hành nghề dịch vụ thú y):

a) Hành nghề không đúng ngành nghề, phạm vi chuyên môn ghi trong chứng chỉ hành nghề;

b) Không chấp hành chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất khi có dịch bệnh theo yêu cầu của cơ quan thú y;

---

[69] Cụm từ "sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 43 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[70] Cụm từ "sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 43 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

c) Không tham gia các hoạt động phòng bệnh, chống dịch bệnh cho động vật theo yêu cầu của chính quyền địa phương, cơ quan thú y khi xảy ra dịch bệnh động vật;

d) Hành nghề không đủ dụng cụ hoặc dụng cụ không bảo đảm vệ sinh thú y.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm thuê, mượn chứng chỉ để hành nghề dịch vụ thú y.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây về hành nghề dịch vụ thú y:

a) Sử dụng thuốc thú y không có trong Danh mục được phép lưu hành tại Việt Nam khi hành nghề;

b) Sử dụng nguyên liệu làm thuốc thú y để phòng, chữa bệnh cho động vật không theo quy định khi hành nghề.

4. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây về hành nghề dịch vụ thú y:

a) Chữa bệnh cho động vật mắc bệnh thuộc Danh mục các bệnh cấm chữa hoặc mắc bệnh truyền nhiễm theo quy định phải tiêu hủy, giết mổ bắt buộc;

b) Chữa bệnh cho động vật trong vùng có dịch hoặc ở nơi có động vật mắc bệnh truyền nhiễm không theo hướng dẫn của cơ quan thú y;

c) Sử dụng thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y cấm sử dụng khi hành nghề.

5. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sử dụng chứng chỉ hành nghề đã hết hạn.

6. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm tẩy xóa, sửa chữa nội dung chứng chỉ hành nghề.

7. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm về hành nghề sản xuất, kinh doanh, kiểm nghiệm, thử nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y như sau:

a) Hành nghề không đúng ngành nghề, phạm vi chuyên môn ghi trong chứng chỉ hành nghề;

b) Hành nghề không đúng địa điểm ghi trong chứng chỉ hành nghề.

8. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm của người hành nghề quy định tại Khoản 1 Điều này; phạt tiền từ 4.000.000 đồng

đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm của người hành nghề quy định tại Khoản 7 Điều này khi không có chứng chỉ hành nghề.

9. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sử dụng chứng chỉ hành nghề giả để hành nghề.

10. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi chứng chỉ hành nghề đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 6 và Khoản 9 Điều này.

b) Buộc tiêu hủy thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 3, Điểm c Khoản 4 Điều này;

c) Buộc tiêu hủy động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này.

Chương 3
HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT, BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TRONG LĨNH VỰC GIỐNG VẬT NUÔI

Điều 21. Vi phạm về quản lý và bảo tồn nguồn gen vật nuôi trong khu bảo tồn

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm khai thác hoặc sử dụng nguồn gen vật nuôi trong khu bảo tồn vượt quá giới hạn cho phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm khai thác hoặc sử dụng nguồn gen vật nuôi trong khu bảo tồn mà không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm phá hoại nguồn gen vật nuôi trong khu bảo tồn.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật và phương tiện đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

Điều 22. Vi phạm về khai thác và bảo tồn nguồn gen vật nuôi quý hiếm

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm khai thác hoặc sử dụng nguồn gen vật nuôi quý hiếm vượt quá giới hạn cho phép của cơ quan có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm một quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khai thác hoặc sử dụng nguồn gen quý hiếm.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm phá hoại nguồn gen vật nuôi quý hiếm.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

Điều 23. Vi phạm về trao đổi quốc tế nguồn gen vật nuôi quý hiếm

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trao đổi quốc tế nguồn gen vật nuôi quý hiếm không đúng với nội dung cho phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trao đổi quốc tế nguồn gen vật nuôi quý hiếm mà không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

Điều 24. Vi phạm về khảo nghiệm, kiểm định giống vật nuôi mới

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm thực hiện khảo nghiệm, kiểm định không đủ điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật hoặc nhân viên kỹ thuật.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm thực hiện khảo nghiệm, kiểm định không đúng quy trình, nội dung hoặc đề cương đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm công bố kết quả khảo nghiệm, kiểm định không trung thực.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động của cơ sở khảo nghiệm, kiểm định từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc cải chính kết quả khảo nghiệm, kiểm định đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này.

Điều 25. Vi phạm về sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi không đảm bảo một trong các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật theo quy định.

2.[71] Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi mà không lưu giữ, cập nhật đầy đủ hồ sơ theo dõi giống.

3.[72] Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sản xuất, kinh doanh giống thuần chủng, cụ kỵ, ông bà, hạt nhân không có nhân viên kỹ thuật có bằng đại học chuyên ngành chăn nuôi, thú y, nuôi trồng thủy sản.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi chưa được công nhận kết quả khảo nghiệm.

5. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi, không có tên trong Danh mục giống vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh hoặc không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động sản xuất, kinh doanh từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tiêu hủy hoặc giết mổ giống vật nuôi đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 5 Điều này.

---

[71] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 33 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[72] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 33 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

Điều 26. Vi phạm về sản xuất, kinh doanh tinh, phôi, trứng giống, ấu trùng

1.[73] Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sản xuất, kinh doanh tinh, phôi, trứng giống, ấu trùng mà không lưu giữ, cập nhật đầy đủ hồ sơ theo dõi giống.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sản xuất, kinh doanh tinh, phôi, trứng giống (không bao gồm trứng gia cầm, trứng tằm và giống thủy sản) và ấu trùng không có nhân viên kỹ thuật được cấp bằng hoặc chứng chỉ đào tạo về kỹ thuật thụ tinh nhân tạo, cấy truyền phôi.

3. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sản xuất, kinh doanh tinh, phôi, trứng giống và ấu trùng không đảm bảo một trong các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật theo quy định.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Sản xuất tinh từ những con giống gia súc, gia cầm chưa được kiểm tra năng suất cá thể;

b) Khai thác trứng giống, ấu trùng không phải từ đàn giống thuần, đàn giống cụ kỵ, đàn giống hạt nhân, đàn giống ông bà, đàn giống bố mẹ, trừ trường hợp khai thác trong tự nhiên.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tiêu hủy tinh, trứng giống, ấu trùng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều này.

Điều 27. Vi phạm về nhập khẩu giống vật nuôi

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm nhập khẩu giống vật nuôi không đúng với phẩm cấp giống, chủng loại giống đã công bố.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm nhập khẩu giống vật nuôi không có trong Danh mục giống vật nuôi, giống thủy sản

---

[73] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 34 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam hoặc không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc tái xuất hoặc giết mổ, sơ chế, chế biến hoặc tiêu hủy giống vật nuôi, giống thủy sản đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

Điều 28. Vi phạm về chất lượng giống vật nuôi trong kinh doanh

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm mỗi chỉ tiêu định mức kinh tế, kỹ thuật thấp hơn so với tiêu chuẩn công bố đối với lô hàng có giá trị dưới 50.000.000 đồng.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm mỗi chỉ tiêu định mức kinh tế, kỹ thuật thấp hơn so với tiêu chuẩn công bố đối với lô hàng có giá trị từ 50.000.000 đồng trở lên.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc chuyển đổi mục đích, không sử dụng làm giống đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

Điều 29. Vi phạm khác trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh giống thủy sản

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau:

a) Ương dưỡng giống thủy sản không có nhân viên kỹ thuật hoặc nhân viên kỹ thuật không có giấy chứng nhận (chứng chỉ) đào tạo phù hợp;

b) Vận chuyển giống chưa đạt kích cỡ nuôi thương phẩm theo quy định ra khỏi cơ sở mà không có hồ sơ, tài liệu chứng minh đang đưa đi ương, dưỡng giống thủy sản.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau:

a) Vi phạm quy định về số lần sinh sản hoặc thời hạn sử dụng hoặc thời gian cho phép đưa vào sinh sản của giống thủy sản bố mẹ chủ lực;

b) Không kiểm tra xét nghiệm các bệnh trước khi cho sinh sản đối với giống thủy sản bố mẹ chủ lực.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau:

a) Cho sinh sản giống thủy sản bố mẹ hoặc sản xuất kinh doanh giống thủy sản bố mẹ không có nhân viên kỹ thuật có bằng cấp chuyên môn hoặc chứng chỉ phù hợp;

b) Không thực hiện kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau:

a) Địa điểm sản xuất, kinh doanh giống thủy sản không nằm trong vùng quy hoạch của địa phương hoặc không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép;

b) Sử dụng đàn giống thủy sản bố mẹ không bảo đảm chất lượng.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy hoặc chuyển đổi mục đích, không sử dụng làm giống đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này;

b) Buộc di chuyển cơ sở sản xuất giống thủy sản đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này đến địa điểm theo quy định.

Điều 30. Vi phạm về giấy chứng nhận, văn bản cho phép, giấy phép về giống vật nuôi

1.[74] ***(được bãi bỏ)***

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm cố ý tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung các loại giấy tờ sau:

a)[75] ***(được bãi bỏ)***

b) Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống vật nuôi;

c) Quyết định chỉ định khảo nghiệm, kiểm định giống vật nuôi.

---

[74] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 43 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[75] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 43 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm làm giả các loại giấy tờ, hồ sơ xin cấp các loại giấy tờ quy định tại Khoản 2 Điều này nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thu hồi giấy phép, chứng chỉ chuyên môn đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

Điều 31. Vi phạm quy định về an toàn sinh học trong chăn nuôi

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với cơ sở chăn nuôi trang trại có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Chuồng trại xây dựng không đúng yêu cầu kỹ thuật ảnh hưởng đến vệ sinh thú y, môi trường trong chăn nuôi;

b) Vi phạm quy định về quy trình chăn nuôi gây ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm;

c) Không đăng ký, kê khai các nội dung chăn nuôi đối với những đối tượng vật nuôi buộc phải đăng ký, kê khai.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

Chương 4
HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT, BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TRONG LĨNH VỰC THỨC ĂN CHĂN NUÔI

Điều 32. Vi phạm về điều kiện sản xuất, gia công thức ăn chăn nuôi

1.[76] Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sản xuất, gia công thức ăn chăn nuôi, không có nhân viên kỹ thuật trong sản xuất và kiểm soát chất lượng sản phẩm.

---

[76] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 35 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không có hệ thống xử lý chất thải đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường;

b) Không đủ trang thiết bị đảm bảo yêu cầu đối với cơ sở sản xuất, gia công thức ăn chăn nuôi quy định trong các quy chuẩn kỹ thuật tương ứng;

c) Nhà xưởng không đảm bảo yêu cầu đối với cơ sở sản xuất, gia công thức ăn chăn nuôi quy định trong các quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

3.[77] Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm không thực hiện phân tích kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm thức ăn chăn nuôi.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 03 tháng trong trường hợp tái phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này.

Điều 33. Vi phạm về sản xuất, gia công thức ăn chăn nuôi

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sau:

a) Không lưu kết quả kiểm nghiệm theo quy định;

b) Không lưu mẫu sản phẩm theo quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sản xuất, gia công có sử dụng mỗi loại nguyên liệu thức ăn đã hết hạn sử dụng.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sản xuất, gia công mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi không có trong Danh mục thức ăn chăn nuôi được phép lưu hành tại Việt Nam hoặc không có văn bản cho phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

---

[77] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 36 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

4.[78] Phạt tiền từ 10% đến 15% giá trị của lô hàng vi phạm, nhưng không thấp hơn 6.000.000 đồng và không vượt quá 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sản xuất, gia công sản phẩm thức ăn chăn nuôi:

a) Có hàm lượng định lượng mỗi chất chính chỉ đạt mức từ 90% đến dưới 95% so với tiêu chuẩn đã công bố hoặc ghi trên nhãn hàng hóa;

b) Có hàm lượng định lượng mỗi chất gây mất an toàn quy định trong các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc sử dụng mỗi loại kháng sinh không đúng với hàm lượng công bố theo quy định hoặc ghi trên nhãn hàng hóa vượt mức từ 10% đến dưới 20%.

5.[79] Phạt tiền từ 15% đến 20% giá trị của lô hàng vi phạm, nhưng không thấp hơn 6.000.000 đồng và không vượt quá 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sản xuất, gia công sản phẩm thức ăn chăn nuôi:

a) Có hàm lượng định lượng mỗi chất chính chỉ đạt mức từ 80% đến dưới 90% so với tiêu chuẩn đã công bố hoặc ghi trên nhãn hàng hóa;

b) Có hàm lượng định lượng mỗi chất gây mất an toàn quy định trong các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc sử dụng mỗi loại kháng sinh không đúng với hàm lượng công bố theo quy định hoặc ghi trên nhãn hàng hóa vượt mức từ 20% đến dưới 30%.

6.[80] Phạt tiền từ 20% đến 30% giá trị của lô hàng vi phạm, nhưng không thấp hơn 6.000.000 đồng và không vượt quá 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sản xuất, gia công sản phẩm thức ăn chăn nuôi:

---

[78] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 37 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[79] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 37 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[80] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 37 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

a) Có hàm lượng định lượng mỗi chất chính chỉ đạt mức từ trên 70% đến dưới 80% so với tiêu chuẩn đã công bố hoặc ghi trên nhãn hàng hóa;

b) Có hàm lượng định lượng mỗi chất gây mất an toàn quy định trong các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc sử dụng mỗi loại kháng sinh không đúng với hàm lượng công bố theo quy định hoặc ghi trên nhãn hàng hóa vượt mức từ 30% trở lên.

7. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với cơ sở có hành vi vi phạm tiếp tục sản xuất, gia công thức ăn chăn nuôi trong thời gian cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ sản xuất, gia công thức ăn chăn nuôi.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc chuyển đổi mục đích sử dụng toàn bộ thức ăn chăn nuôi đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 và Khoản 7 Điều này; trong trường hợp không có khả năng chuyển đổi mục đích sử dụng thì buộc tiêu hủy;

b) Buộc thu hồi, tiêu hủy toàn bộ thức ăn chăn nuôi đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này;

c) Buộc tái chế toàn bộ sản phẩm bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng như đã công bố hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (nếu có) đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 6 Điều này; trong trường hợp không có khả năng tái chế thì chuyển đổi mục đích sử dụng hoặc buộc tiêu hủy.

Điều 34. Vi phạm về điều kiện kinh doanh thức ăn chăn nuôi

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không có cửa hàng hoặc trụ sở kinh doanh;

b) Cửa hàng, trụ sở không có biển hiệu kinh doanh;

c) Thay đổi địa chỉ kinh doanh mà không thông báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không có công cụ, thiết bị, phương tiện để chứa đựng, lưu giữ hoặc vận chuyển thức ăn chăn nuôi theo quy định đối với từng loại sản phẩm;

b) Bày bán chung thức ăn chăn nuôi với thuốc thú y mà không có khu vực hoặc tủ, quầy riêng.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm bày bán chung thức ăn chăn nuôi với thuốc bảo vệ thực vật, phân bón hoặc các loại hóa chất độc hại khác.

Điều 35. Vi phạm về kinh doanh thức ăn chăn nuôi

1.[81] (được bãi bỏ)

2.[82] Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm kinh doanh mỗi loại sản phẩm thức ăn chăn nuôi không có trong Danh mục thức ăn chăn nuôi được phép lưu hành tại Việt Nam hoặc không có văn bản cho phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3.[83] Phạt tiền từ 10% đến 15% giá trị của lô hàng vi phạm nhưng không thấp hơn 6.000.000 đồng và không vượt quá 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm kinh doanh sản phẩm thức ăn chăn nuôi:

a) Có hàm lượng định lượng mỗi chất chính chỉ đạt mức từ 90% đến dưới 95% so với tiêu chuẩn đã công bố hoặc ghi trên nhãn hàng hóa;

b) Có hàm lượng định lượng mỗi chất gây mất an toàn quy định trong các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc sử dụng mỗi loại kháng sinh không đúng với hàm lượng công bố theo quy định hoặc ghi trên nhãn hàng hóa vượt mức từ 10% đến dưới 20%.

---

[81] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 43 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[82] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 38 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[83] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 38 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

4.[84] Phạt tiền từ 15% đến 20% giá trị của lô hàng vi phạm nhưng không thấp hơn 6.000.000 đồng và không vượt quá 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm kinh doanh sản phẩm thức ăn chăn nuôi:

a) Có hàm lượng định lượng mỗi chất chính chỉ đạt mức từ 80% đến dưới 90% so với tiêu chuẩn đã công bố hoặc ghi trên nhãn hàng hóa;

b) Có hàm lượng định lượng mỗi chất gây mất an toàn quy định trong các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc sử dụng mỗi loại kháng sinh không đúng với hàm lượng công bố theo quy định hoặc ghi trên nhãn hàng hóa vượt mức từ 20% đến dưới 30%.

5.[85] Phạt tiền từ 20% đến 25% giá trị của lô hàng vi phạm nhưng không thấp hơn 6.000.000 đồng và không vượt quá 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm kinh doanh sản phẩm thức ăn chăn nuôi:

a) Có hàm lượng định lượng mỗi chất chính chỉ đạt mức từ trên 70% đến dưới 80% so với tiêu chuẩn đã công bố hoặc ghi trên nhãn hàng hóa;

b) Có hàm lượng định lượng mỗi chất gây mất an toàn quy định trong các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc sử dụng mỗi loại kháng sinh không đúng với hàm lượng công bố theo quy định hoặc ghi trên nhãn hàng hóa vượt mức từ 30% trở lên

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc chuyển mục đích sử dụng toàn bộ thức ăn chăn nuôi đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này; trong trường hợp không có khả năng chuyển đổi mục đích sử dụng thì buộc tiêu hủy;

b) Buộc tái chế toàn bộ sản phẩm bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng như đã công bố hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (nếu có) đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 5 Điều này; trong trường hợp không có khả năng tái chế thì chuyển đổi mục đích sử dụng hoặc buộc tiêu hủy.

---

[84] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 38 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[85] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 38 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

Điều 36. Vi phạm về sử dụng kháng sinh, chất cấm trong chăn nuôi và sản xuất, gia công, kinh doanh thức ăn chăn nuôi[86]

1. Phạt tiền đối với các hành vi vi phạm sau đây:

a) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong sản xuất, gia công, kinh doanh mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi có sử dụng loại kháng sinh không đúng như đã công bố theo quy định hoặc ghi trên nhãn hàng hóa;

b) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sử dụng mỗi chất cấm trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản;

c) Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sử dụng mỗi chất cấm trong sản xuất, gia công và kinh doanh thức ăn chăn nuôi.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động sản xuất, gia công, kinh doanh thức ăn chăn nuôi từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng đối với thức ăn chăn nuôi đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy toàn bộ chất cấm và thức ăn chăn nuôi có chứa chất cấm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này;

c) Buộc cơ sở chăn nuôi tiếp tục nuôi dưỡng vật nuôi đã sử dụng chất cấm đến khi kiểm tra không còn tồn dư chất cấm mới được phép xuất bán hoặc giết mổ đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này; Buộc tiêu hủy vật nuôi trong trường hợp tái phạm sử dụng chất cấm.

Điều 37. Vi phạm về nhập khẩu thức ăn chăn nuôi[87]

---

[86] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 39 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[87] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 40 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm nhập khẩu thức ăn chăn nuôi có hàm lượng, định lượng mỗi chỉ tiêu chất lượng không phải là chất chính chỉ đạt từ 90% đến dưới 95% hoặc vượt từ 5% đến dưới 10% so với tiêu chuẩn đã công bố hoặc ghi trên nhãn hàng hóa.

2. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm nhập khẩu thức ăn chăn nuôi có hàm lượng, định lượng mỗi chỉ tiêu chất lượng không phải là chất chính chỉ đạt mức từ 80% đến dưới 90% hoặc vượt từ 10% đến dưới 20% so với tiêu chuẩn đã công bố hoặc ghi trên nhãn hàng hóa.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm nhập khẩu thức ăn chăn nuôi có hàm lượng, định lượng mỗi chỉ tiêu chất lượng không phải là chất chính chỉ đạt mức từ 70% đến dưới 80% hoặc vượt từ 20% đến dưới 30% so với tiêu chuẩn đã công bố hoặc ghi trên nhãn hàng hóa.

4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm nhập khẩu thức ăn chăn nuôi có hàm lượng, định lượng mỗi chỉ tiêu chất lượng không phải là chất chính chỉ đạt mức dưới 70% hoặc vượt từ 30% trở lên so với tiêu chuẩn đã công bố hoặc ghi trên nhãn hàng hóa.

5. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm nhập khẩu thức ăn chăn nuôi có chỉ tiêu vi sinh vật vượt ngưỡng cho phép quy định trong các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc vượt mức công bố trong tiêu chuẩn đã công bố.

6. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm nhập khẩu thức ăn chăn nuôi:

a) Có hàm lượng, định lượng mỗi chất chính chỉ đạt mức từ 90% đến dưới 95% so với tiêu chuẩn đã công bố hoặc ghi trên nhãn hàng hóa;

b) Có hàm lượng định lượng mỗi chất gây mất an toàn quy định trong các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, trong các tiêu chuẩn đã công bố hoặc sử dụng mỗi loại kháng sinh không đúng với hàm lượng công bố theo quy định hoặc ghi trên nhãn hàng hóa vượt mức từ 10% đến dưới 20%.

7. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm nhập khẩu thức ăn chăn nuôi:

a) Có hàm lượng, định lượng mỗi chất chính chỉ đạt mức từ 80% đến dưới 90% so với tiêu chuẩn đã công bố hoặc ghi trên nhãn hàng hóa;

b) Có hàm lượng định lượng mỗi chất gây mất an toàn quy định trong các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, trong các tiêu chuẩn đã công bố hoặc sử dụng mỗi loại kháng sinh không đúng với hàm lượng công bố theo quy định hoặc ghi trên nhãn hàng hóa vượt mức từ 20% đến dưới 30%.

8. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm nhập khẩu thức ăn chăn nuôi:

a) Có hàm lượng, định lượng mỗi chất chính chỉ đạt mức từ trên 70% đến dưới 80% so với tiêu chuẩn đã công bố hoặc ghi trên nhãn hàng hóa;

b) Có hàm lượng định lượng mỗi chất gây mất an toàn quy định trong các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, trong các tiêu chuẩn đã công bố hoặc sử dụng mỗi loại kháng sinh không đúng với hàm lượng công bố theo quy định hoặc ghi trên nhãn hàng hóa vượt mức từ 30% trở lên.

9. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu sản phẩm thức ăn chăn nuôi hết hạn sử dụng có giá trị theo hóa đơn nhập khẩu dưới 50.000.000 đồng.

10. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu sản phẩm thức ăn chăn nuôi hết hạn sử dụng có giá trị theo hóa đơn nhập khẩu từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

11. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu sản phẩm thức ăn chăn nuôi hết hạn sử dụng có giá trị theo hóa đơn nhập khẩu từ 100.000.000 đồng trở lên.

12. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm nhập khẩu mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi không có trong Danh mục thức ăn chăn nuôi được phép lưu hành tại Việt Nam hoặc không được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

13. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm nhập khẩu mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi có chứa chất cấm.

14. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc công bố lại chất lượng thực tế của lô sản phẩm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, điểm a khoản 6, điểm a khoản 7 Điều này;

b) Buộc tái chế hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng toàn bộ thức ăn chăn nuôi nhập khẩu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4, khoản 5, điểm b khoản 6, điểm b khoản 7, khoản 8 Điều này, trường hợp không thể tái chế hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng thì buộc tái xuất hoặc tiêu hủy;

c) Buộc tái xuất toàn bộ thức ăn chăn nuôi nhập khẩu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 9, khoản 10, khoản 11 Điều này, trường hợp không thể tái xuất thì buộc tiêu hủy;

d) Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy toàn bộ thức ăn chăn nuôi nhập khẩu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 12 và khoản 13 Điều này.

Điều 38. Vi phạm về khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi

1. Phạt tiền đối với một trong các hành vi vi phạm về khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi theo mức phạt sau đây:

a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cơ sở khảo nghiệm không bảo đảm vệ sinh thú y, vệ sinh môi trường;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cơ sở khảo nghiệm không có nhân viên kỹ thuật;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với cơ sở khảo nghiệm không có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp với việc khảo nghiệm từng loại thức ăn như đã đăng ký.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cơ sở khảo nghiệm không thực hiện đúng quy trình, nội dung hoặc đề cương đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi công bố kết quả khảo nghiệm không trung thực.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khảo nghiệm lại thức ăn chăn nuôi và chịu mọi chi phí khảo nghiệm đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

b) Buộc cải chính kết quả khảo nghiệm đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này.

Chương 5
THẨM QUYỀN LẬP BIÊN BẢN VÀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 39. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính

1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại các Điều 40, 41, 42, 43 của Nghị định này.

2. Kiểm dịch viên động vật, Trưởng trạm, Phó trạm Thú y huyện, công chức, viên chức ngành thú ý, chăn nuôi, thủy sản, quản lý chất lượng nông lâm thủy sản đang thi hành công vụ, nhiệm vụ khi phát hiện hành vi vi phạm trong lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi có quyền lập biên bản vi phạm hành chính về những vi phạm thuộc phạm vi thi hành công vụ, nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm về việc lập biên bản.

Điều 40. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng trong lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Điểm a, b, c và đ Khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng trong lĩnh vực thú y, giống vật nuôi; phạt tiền đến 50.000.000 đồng trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Điểm a, b, c, đ, e, h, i Khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng trong lĩnh vực thú y, giống vật nuôi; phạt tiền đến 100.000.000 đồng trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i Khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.

Điều 41. Thẩm quyền của thanh tra

1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về thú y, chăn nuôi, thủy sản, quản lý chất lượng nông lâm thủy sản đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Điểm a, c và đ Khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục trưởng Chi cục về thú y, thủy sản, quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng trong lĩnh vực thú y, giống vật nuôi; phạt tiền đến 50.000.000 đồng trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i Khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.

3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 35.000.000 đồng trong lĩnh vực thú y, giống vật nuôi; phạt tiền đến 70.000.000 đồng trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i Khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.

4. Chánh Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản, Cục trưởng Cục Thú y, Cục trưởng Cục Chăn nuôi, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng trong lĩnh vực thú y, giống vật nuôi; phạt tiền đến 100.000.000 đồng trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi.

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i Khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả khác quy định tại Khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.

Điều 42. Thẩm quyền của Công an nhân dân

1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng trong lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi.

2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại Khoản 1 Điều này có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.500.000 đồng trong lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi.

3. Trưởng Công an cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng trong lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Điểm a, c và đ Khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

4. Trưởng Công an cấp huyện; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt, Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát đường thủy; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt, Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy, Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng trong lĩnh vực thú y, giống vật nuôi; phạt tiền đến 20.000.000 đồng trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Điểm a, c và đ Khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả khác quy định tại Khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.

5. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng trong lĩnh vực thú y, giống vật nuôi; phạt tiền đến 50.000.000 đồng trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều này;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Điểm a, c, đ và i Khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả khác quy định tại Khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.

6. Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông đường bộ và đường sắt, Cục trưởng Cục Cảnh sát đường thủy, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng trong lĩnh vực thú y, giống vật nuôi; phạt tiền đến 100.000.000 đồng trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Điểm a, c, đ và i Khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả khác quy định tại Khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.

Điều 43. Thẩm quyền xử phạt hành chính của cơ quan khác

1. Người có thẩm quyền xử phạt của cơ quan Hải quan có thẩm quyền xử phạt hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm

hành chính quy định tại Nghị định này liên quan đến xuất khẩu, nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật, thuốc thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi thuộc lĩnh vực ngành mình quản lý theo quy định tại Điều 42 và Điều 52 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

2.[88] Người có thẩm quyền xử phạt thuộc lực lượng Quản lý thị trường quy định tại Điều 45 Luật xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền, thuộc lĩnh vực và phạm vi quản lý của mình có quyền kiểm tra, lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 và điểm c, d khoản 2 Điều 13; khoản 1, 4, 5, 6 Điều 14; Điều 17; khoản 2, 5, 6 Điều 20; Điều 23, Điều 27, Điều 30, Điều 34, Điều 35 của Nghị định này.

3. Người có thẩm quyền xử phạt của cơ quan Thanh tra chuyên ngành khác có thẩm quyền kiểm tra, lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này thuộc lĩnh vực ngành mình quản lý theo quy định tại Điều 46 và Điều 52 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

4.[89] Người có thẩm quyền xử phạt thuộc lực lượng Bộ đội biên phòng quy định tại Điều 40 và Cảnh sát biển quy định tại Điều 41 Luật xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền, thuộc lĩnh vực và phạm vi quản lý của mình thuộc địa bàn được giao quản lý có quyền kiểm tra phát hiện lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 11, Điều 18, Điều 27 và Điều 37 của Nghị định này.

---

[88] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 41 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

[89] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 42 Điều 2 Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017.

Chương 6
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[90]

Điều 44. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2013.

2. Nghị định này thay thế các Nghị định sau:

a) Nghị định số 08/2011/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thức ăn chăn nuôi;

b) Nghị định số 47/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2005 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống vật nuôi;

c) Nghị định số 40/2009/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y.

Điều 45. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi xảy ra trước khi Nghị định này đã có hiệu lực mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết thì áp dụng các quy định có lợi cho tổ chức, cá nhân vi phạm.

---

[90] Điều 4, Điều 5 của Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2017 quy định như sau:

*"**Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp***

1. Các hành vi vi phạm hành chính xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì áp dụng Nghị định số 103/2013/NĐ-CP Nghị định số 119/2013/NĐ-CP Nghị định số 157/2013/NĐ-CP để xử lý.

2. Các hành vi vi phạm xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết thì áp dụng các quy định về xử phạt tại Nghị định này nếu có lợi cho cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 5 năm 2017.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 40/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 157/2013/NĐ-CP.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này."

Điều 46. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm hướng dẫn chi tiết, tổ chức thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Số: 11/VBHN-BNNPTNT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 06 tháng 7 năm 2017
KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Hà Công Tuấn

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 01, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng